

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU  
TỔNG HỢP I VIỆT NAMCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 88 /2023-TH1-VP

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP XNK Tổng hợp I Việt Nam thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên 6 tháng /năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

## 1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: TH1
- Địa chỉ: Số 46 phố Ngô Quyền, P. Hàng Bài, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Điện thoại liên hệ/Tel: 02438264009
- Email: gexim@ge1.com.vn Website: <https://ge1.com.vn>

## 2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên 6 tháng/năm 2023

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:



Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 29/08/2023 tại đường dẫn: <https://ge1.com.vn/category/tin-tuc/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC bán niên 6 tháng /2023;
- Văn bản giải trình;

**Người Ủy Quyền Công Bố Thông Tin**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



*Vũ Chi Phương*



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(đã được soát xét)



## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	06-41
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11-41





## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 05/02/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Vĩnh Huy	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Ủy viên
Bà Vũ Thị Phương	Ủy viên
Ông Lê Tuấn Điệp	Ủy viên

Các thành viên của Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Tổng Giám đốc	
Bà Vũ Thị Phương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/07/2023

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Chiến	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Thảo	Thành viên
Bà Lê Thị Thu Hương	Thành viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

#### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngõ Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### Cam kết khác

Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Tổng Giám đốc



Vũ Thị Phương

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023



## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam được lập ngày 29 tháng 08 năm 2023, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 290323.021/BCTC.KT2 ngày 30 tháng 03 năm 2023 về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I, chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về việc khả năng hoạt động liên tục của Công ty và các khoản công nợ chưa thu thập đầy đủ bằng chứng phù hợp. Các vấn đề này vẫn chưa được Công ty xử lý, khắc phục, do đó chúng tôi tiếp tục đưa kết luận ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ này, cụ thể như sau:

1. Tại thời điểm 30/06/2023, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty âm 1,52 tỷ VND, nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn tại ngày 01/01/2023 và 30/06/2023 lần lượt là 108,7 tỷ VND và 107,82 tỷ VND, khoản lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 01/01/2023 và 30/06/2023 lần lượt là 251,1 tỷ VND và 252,94 tỷ VND. Vấn đề này cùng với các vấn đề được nêu tại Thuyết minh số 1 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định về hoạt động liên tục.



- Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục theo quy định của Chuẩn mực Việt Nam nhưng chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng cần thiết để đánh giá tính phù hợp của giao dịch liên quan đến khoản hợp tác đầu tư giữa Công ty và ông Trần Minh Hiếu với số tiền tại ngày 01/01/2023 và ngày 30/06/2023 lần lượt là 64 tỷ VND và 67,7 tỷ VND đang được trình bày tại Thuyết minh số 8 - Phải thu khác. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá hết ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đến các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/06/2023 của Công ty.
- Như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 - Phải trả khác, Công ty đang ghi nhận khoản công nợ phải trả đối với bà Vũ Thị Ngọc với số tiền là 34,7 tỷ VND để thực hiện các thỏa thuận hợp tác đầu tư. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục theo quy định của Chuẩn mực Việt Nam, tuy nhiên chúng tôi không thể xác định được phạm vi, nội dung cũng như tiến độ thực hiện của các khoản hợp tác đầu tư này. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá hết ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đến các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/06/2023 của Công ty.

**Ngoài ra, vấn đề phát sinh trong 6 tháng đầu năm 2023 có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:**

- Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục theo quy định của Chuẩn mực Việt Nam nhưng chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng cần thiết để đánh giá tính phù hợp của giao dịch liên quan đến khoản hợp tác đầu tư giữa Công ty và ông Nguyễn Tiến Việt với số tiền 80 tỷ VND đang được trình bày tại Thuyết minh số 8 - Phải thu khác. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá hết ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đến các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/06/2023 của Công ty.

#### **Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



Cát Thị Hà ✓

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2023-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài,  
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	01/01/2023 (Điều chỉnh hồi tố)	
			30/06/2023 VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>220.707.005.472</b>	<b>196.865.124.331</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4.392.831.708	5.206.722.519
111	1. Tiền		4.392.831.708	5.206.722.519
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	86.151.188.151	36.948.389.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		24.636.399.250	14.948.389.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.057.704.250)	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		62.572.493.151	22.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		105.463.080.062	96.896.370.192
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	115.376.107.032	114.665.687.160
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	240.382.601.518	238.063.576.397
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	450.000.000	450.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	231.507.585.829	226.142.120.952
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(482.253.214.317)	(482.425.014.317)
140	IV. Hàng tồn kho	10	15.807.885.323	50.140.813.785
141	1. Hàng tồn kho		15.807.885.323	50.140.813.785
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		8.892.020.228	7.672.828.835
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	436.993.671	248.316.394
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		8.314.596.560	7.284.382.441
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	140.429.997	140.130.000
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>319.046.367.132</b>	<b>241.773.747.755</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		99.834.299.996	19.834.299.996
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	19.734.299.996	19.734.299.996
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	80.100.000.000	100.000.000
220	II. Tài sản cố định		5.272.505.169	5.487.284.871
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	2.120.705.169	2.335.484.871
222	- Nguyên giá		9.133.362.537	10.084.109.901
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.012.657.368)	(7.748.625.030)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	3.151.800.000	3.151.800.000
228	- Nguyên giá		3.151.800.000	3.151.800.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư	13	111.083.426.508	112.592.998.074
231	- Nguyên giá		154.868.938.887	154.868.938.887
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(43.785.512.379)	(42.275.940.813)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	97.425.731.185	97.944.413.752
251	1. Đầu tư vào công ty con		34.752.000.000	34.752.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		70.663.895.429	70.663.895.429
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.200.000.000	1.200.000.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(9.190.164.244)	(8.671.481.677)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		5.430.404.274	5.914.751.062
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	5.430.404.274	5.914.751.062
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>539.753.372.604</b>	<b>438.638.872.086</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài,  
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	(Điều chỉnh hồi tố) VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>608.950.307.707</b>	<b>505.947.702.179</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>328.529.359.709</b>	<b>305.566.783.288</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	17.937.180.983	21.952.309.312
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	2.814.079.700	166.905.203
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	918.460.039	249.368.758
314	4. Phải trả người lao động		448.505.060	2.649.871.981
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	19	238.475.849.809	237.603.200.256
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	67.591.327.390	42.601.171.050
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		343.956.728	343.956.728
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>280.420.947.998</b>	<b>200.380.918.891</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	18	8.953.939.644	9.080.437.800
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	91.020.031.518	10.808.067.059
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	180.446.976.836	180.492.414.032
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>(69.196.935.103)</b>	<b>(67.308.830.093)</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>(69.196.935.103)</b>	<b>(67.308.830.093)</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		135.392.670.000	135.392.670.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		135.392.670.000	135.392.670.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.147.588.054	17.147.588.054
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		7.262.420.104	7.262.420.104
415	4. Cổ phiếu quỹ		(981.900)	(981.900)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		23.940.421.305	23.940.421.305
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(252.939.052.666)	(251.050.947.656)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(251.420.734.353)	(130.776.889.047)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		(1.518.318.313)	(120.274.058.609)
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>539.753.372.604</b>	<b>438.638.872.086</b>




Nguyễn Thanh Thúy  
Người lập



Mai Thu Hà  
Kế toán trưởng



  
Vũ Thị Phương  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài,  
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2023	2022
			(VND)	(Điều chỉnh hồi tố)
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	159.320.566.743	121.132.726.668
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		159.320.566.743	121.132.726.668
11	4. Giá vốn hàng bán	24	155.402.230.043	109.460.220.653
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.918.336.700	11.672.506.015
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	12.341.388.564	78.309.929.951
22	7. Chi phí tài chính	26	5.636.338.989	48.339.934.965
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		2.536.405.924	3.614.401.074
25	8. Chi phí bán hàng	27	8.256.585.592	8.887.031.310
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	3.606.328.130	157.567.475.613
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.239.527.447)	(124.812.005.922)
31	11. Thu nhập khác	29	3.789.250.716	30.140.649
32	12. Chi phí khác	30	4.068.041.582	181.263.717
40	13. Lợi nhuận khác		(278.790.866)	(151.123.068)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(1.518.318.313)	(124.963.128.990)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.518.318.313)	(124.963.128.990)



Nguyễn Thanh Thúy  
Người lập



Mai Thu Hà  
Kế toán trưởng





Vũ Thị Phương  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngõ Quyền, phường Hàng Bài,  
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	(Điều chỉnh hồi tố) VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(1.518.318.313)	(124.963.128.990)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.724.351.268	1.736.144.310
03	- Các khoản dự phòng		1.404.586.817	152.084.718.764
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.005.174.505	3.088.347.694
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(11.232.408.437)	(10.051.240.162)
06	- Chi phí lãi vay		2.536.405.924	3.614.401.074
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(6.080.208.236)	25.509.242.690
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(86.992.368.631)	124.272.950.404
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		34.332.928.462	(30.431.345.755)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		76.564.841.453	17.246.176.912
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		295.669.511	(276.654.131)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(9.688.010.250)	65.961.066.939
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.413.063.940)	(3.031.522.243)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		7.019.788.369	199.249.914.816
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		52.727.273	-
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(65.572.493.151)	(58.691.130.521)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		25.000.000.000	32.373.648.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.789.819.484	9.724.646.395
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(31.729.946.394)	(16.592.836.126)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		96.068.205.920	230.601.328.175
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(72.163.497.721)	(411.603.795.534)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		23.904.708.199	(181.002.467.359)



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài,  
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(805.449.826)	1.654.611.331
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		5.206.722.519	2.951.567.830
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(8.440.985)	13.116.417
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>4.392.831.708</u>	<u>4.619.295.578</u>

Nguyễn Thanh Thúy  
Người lập

Mai Thu Hà  
Kế toán trưởng



Vũ Thị Phương  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 05/02/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 135.392.670.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 135.392.670.000 VND; tương đương 13.539.267 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là: 29 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là: 172 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh Xuất nhập khẩu.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn thực phẩm: Kinh doanh tạp phẩm, thủy hải sản, rượu bia, nước giải khát, kinh doanh bánh kẹo, các mặt hàng đường, sữa, sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê...;
- Kinh doanh nông, lâm, thủy hải sản;
- Kinh doanh các sản phẩm dệt may;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh Nhà ở và văn phòng, cho thuê văn phòng, căn hộ, kho, bãi, nhà xưởng.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

So với năm trước, Công ty đã ổn định hoạt động sản xuất tiêu thành phẩm và đẩy mạnh hoạt động bán hàng hóa dẫn đến doanh thu trong kỳ có sự tăng trưởng mạnh.

Trong 6 tháng đầu năm 2023, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty âm 1,52 tỷ VND, nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn tại ngày 01/01/2023 và 30/06/2023 lần lượt là 108,7 tỷ VND và 107,82 tỷ VND, khoản lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2023 là 252,94 tỷ VND. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xây dựng phương hướng hoạt động trong thời gian tới như sau: tập trung các hoạt động sản xuất kinh doanh truyền thống và kinh doanh thương mại các mặt hàng nông sản là thế mạnh; mở rộng quy mô thị trường, khách hàng và một số ngành hàng mới; chú trọng vào công tác thu hồi công nợ để chủ động nguồn vốn kinh doanh; và kiện toàn bộ sung nhân sự để nâng cao năng suất lao động. Đồng thời, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng đã xây dựng kế hoạch tài chính để có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Do vậy, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngõ Quyền, phường Hàng Bài,  
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại Hải Phòng	Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Dịch vụ xuất nhập khẩu
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Thương mại và dịch vụ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam - Xí nghiệp May xuất khẩu Hải Phòng	Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Gia công hàng may mặc

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ hoặc chưa được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của toàn Công ty.

#### **2.4 . Công cụ tài chính**

##### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

##### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

#### **2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

#### **2.6 . Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

#### **2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chí phí mua (nếu có) như chí phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài,  
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

### 2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài,  
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

### 2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	Không trích khấu hao

### 2.11 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
--------------------------	-------------

### 2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

### 2.13 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh.

Công ty thực hiện kế toán cho BCC và có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với Ngân sách Nhà nước, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thỏa thuận của BCC.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC hoặc thông báo từ BCC.

Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/07/2017 giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (gọi tắt là TH1) và Công ty TNHH Kowa (gọi tắt là Kowa), cung cấp dịch vụ gia công quần áo và các sản phẩm may mặc khác dành riêng cho Kowa. Hai bên hợp tác điều hành hoạt động của Nhà máy trong việc cung cấp dịch vụ gia công may mặc để đạt được hiệu quả vận hành tối đa của máy móc và nhân lực Nhà máy, đáp ứng các mục tiêu sản xuất. TH1 được hưởng mức phí quản lý là 1% trên tổng doanh thu dịch vụ hàng tháng và được chi trả vào ngày 15 của tháng kế tiếp. TH1 là bên thực hiện kế toán. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên được chi trả toàn bộ cho Kowa.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài,  
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

### 2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.

- Chi phí sửa chữa là các chi phí liên quan đến sửa chữa các Bất động sản đầu tư phục vụ kinh doanh được phân bổ dần tối đa không quá 03 năm.

- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 03 năm.

### 2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

### 2.16 . Vay

Các khoản được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### 2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### 2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.



**2.19 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và phải xử lý ghi giảm vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu theo quy định tại Điều 134 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều 36 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 06/12/2019, trừ các trường hợp được pháp luật cho phép bán ra ngay sau khi mua lại hoặc xử lý số dư cổ phiếu quỹ đã mua trước ngày 01/01/2021.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

**2.20 . Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.21 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.22 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài,  
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

### 2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

#### b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

### 2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.25 . Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

## 3 . TIỀN

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Tiền mặt	609.774.424	120.996.658
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.783.057.284	5.085.725.861
	<u><u>4.392.831.708</u></u>	<u><u>5.206.722.519</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn (*)	62.572.493.151	-	22.000.000.000	-
	<u>62.572.493.151</u>	<u>-</u>	<u>22.000.000.000</u>	<u>-</u>

(\*) Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn tại Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất từ 7%/năm đến 11,25%/năm.

**b) Chứng khoán kinh doanh**

Mã Chứng khoán	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
- Tổng giá trị cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	24.636.399.250	24.576.300.000	(1.057.704.250)	14.948.389.000
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	17.696.004.250	16.638.300.000	(1.057.704.250)	14.948.389.000
	6.940.395.000	7.938.000.000	-	-
	<u>24.636.399.250</u>	<u>24.576.300.000</u>	<u>(1.057.704.250)</u>	<u>14.948.389.000</u>
				<u>15.470.000.000</u>

Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên sàn HNX, HOSE và UPCOM tại ngày 30/12/2022 và 30/06/2023.

Các cổ phiếu Công ty mới đầu tư thêm trong kỳ như sau:

Tên công ty	Số lượng	Giá gốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	59.000	2.747.615.250
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	420.000	6.940.395.000



c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>34.752.000.000</b>	-	<b>34.752.000.000</b>	-
- Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh dịch vụ Rainbow	34.752.000.000	-	34.752.000.000	-
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>	<b>70.663.895.429</b>	<b>(7.990.164.244)</b>	<b>70.663.895.429</b>	<b>(7.471.481.677)</b>
- Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	20.968.895.429	-	20.968.895.429	-
- Công ty CP Bất động sản Tổng hợp I	20.400.000.000	(5.051.335.446)	20.400.000.000	(5.051.335.446)
- Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	29.295.000.000	(2.938.828.798)	29.295.000.000	(2.420.146.231)
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>(1.200.000.000)</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>(1.200.000.000)</b>
- Công ty CP Khoáng sản Mai Linh - Quảng Ngãi	1.200.000.000	(1.200.000.000)	1.200.000.000	(1.200.000.000)
	<b>106.615.895.429</b>	<b>(9.190.164.244)</b>	<b>106.615.895.429</b>	<b>(8.671.481.677)</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tên công ty nhận đầu tư	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>			
- Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh dịch vụ Rainbow	99,89%	Hà Nội	Kinh doanh bất động sản
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>			
- Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	40,00%	Hà Nội	Cho thuê văn phòng
- Công ty CP Bất động sản Tổng hợp I	49,60%	Hà Nội	Kinh doanh bất động sản
- Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	27,00%	Đắk Nông	Trồng cây hồ tiêu
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>			
- Công ty CP Khoáng sản Mai Linh - Quảng Ngãi	5,42%	Quảng Ngãi	Kinh doanh, khai thác khoáng sản

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài,  
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b><i>Bên liên quan</i></b>	<b>77.700.000</b>	-	<b>43.200.000</b>	-
- Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	77.700.000	-	43.200.000	-
<b><i>Bên khác</i></b>	<b>115.298.407.032</b>	<b>(93.933.935.658)</b>	<b>114.622.487.160</b>	<b>(93.933.935.658)</b>
- Công ty CP Kim loại Việt Nam	23.932.288.353	(23.932.288.353)	23.932.288.353	(23.932.288.353)
- Công ty CP Thép Việt Thanh	8.158.626.921	(8.158.626.921)	8.158.626.921	(8.158.626.921)
- Công ty CP Dầu khí và Khoáng sản VITECH	8.275.780.880	(8.275.780.880)	8.275.780.880	(8.275.780.880)
- Công ty CP thực phẩm C.M.T	35.949.721.230	(35.949.721.230)	35.949.721.230	(35.949.721.230)
- Ogaretco Foodstuff LLC	-	-	3.939.273.000	-
- Công ty TNHH Kowa	-	-	3.357.976.541	-
- Công ty TNHH MTV Dây và Cáp điện ELMACO	3.456.333.468	(3.456.333.468)	3.456.333.468	(3.456.333.468)
Parlak Gida Ihr Ith Tic San Ltd Sti	8.031.481.600	-	-	-
- Phải thu khách hàng khác	27.494.174.580	(14.161.184.806)	27.552.486.767	(14.161.184.806)
	<b><u>115.376.107.032</u></b>	<b><u>(93.933.935.658)</u></b>	<b><u>114.665.687.160</u></b>	<b><u>(93.933.935.658)</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài,  
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	<b>2.423.559.202</b>	-	<b>2.451.584.452</b>	-
- Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	1.923.559.202	-	1.951.584.452	-
- Công ty CP Bất động sản Tổng hợp 1	500.000.000	-	500.000.000	-
<i>Bên khác</i>	<b>237.959.042.316</b>	<b>(229.500.308.505)</b>	<b>235.611.991.945</b>	<b>(229.500.308.505)</b>
- Công ty CP Khoáng sản Mai Linh	6.010.353.102	(6.010.353.102)	6.010.353.102	(6.010.353.102)
- Công ty TNHH Thanh Phát	29.787.510.769	(29.787.510.769)	29.787.510.769	(29.787.510.769)
- Công ty TNHH Thanh Phát HQ	81.832.187.384	(81.832.187.384)	81.832.187.384	(81.832.187.384)
- Công ty TNHH Minh Lâm	4.359.664.601	(4.359.664.601)	4.359.664.601	(4.359.664.601)
- DN tư nhân Trung Thành	48.379.179.373	(48.379.179.373)	48.379.179.373	(48.379.179.373)
- DN tư nhân Phát Đạt	5.238.146.104	(5.238.146.104)	5.238.146.104	(5.238.146.104)
- Công ty TNHH XNK Phước Tiếng	35.635.700.361	(35.635.700.361)	35.635.700.361	(35.635.700.361)
- Trả trước cho người bán khác	26.716.300.622	(18.257.566.811)	24.369.250.251	(18.257.566.811)
	<b><u>240.382.601.518</u></b>	<b><u>(229.500.308.505)</u></b>	<b><u>238.063.576.397</u></b>	<b><u>(229.500.308.505)</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	01/01/2023		Trong kỳ		30/06/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn						
<i>Bên khác</i>						
- Công ty TNHH MTV Nam Nung	450.000.000	(450.000.000)	-	-	450.000.000	(450.000.000)
	450.000.000	(450.000.000)	-	-	450.000.000	(450.000.000)
	<b>450.000.000</b>	<b>(450.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>450.000.000</b>	<b>(450.000.000)</b>
b) Dài hạn						
<i>Bên liên quan</i>						
- Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao <sup>(1)</sup>	19.734.299.996	-	-	-	19.734.299.996	-
	19.734.299.996	-	-	-	19.734.299.996	-
	<b>19.734.299.996</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>19.734.299.996</b>	<b>-</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

(1) Hợp đồng tín dụng số 02/2021/TH1-SAG/HĐVV ngày 13/10/2021 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Chăm sóc phát triển dự án nông nghiệp tại Đắk Nông;
- + Thời hạn của hợp đồng: 24 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 11%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 19.734.299.996 VND;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.





**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**8 . PHẢI THU KHÁC**

Báo cáo tài chính riêng  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
<i>a1) Chi tiết theo nội dung</i>				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.485.040.000	-	-	-
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay <sup>(1)</sup>	154.886.957.439	(151.623.509.432)	153.982.135.759	(151.623.509.432)
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	17.471.740	-	16.721.360	-
- Phải thu về bảo hiểm y tế	2.969.385	-	2.827.755	-
- Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	2.142.910	-	2.045.170	-
- Tạm ứng	197.894.088	-	737.355.418	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	32.000.000	-
- Phải thu Công ty TNHH Quang Trung	1.548.661.868	(1.548.661.868)	1.548.661.868	(1.548.661.868)
- Phải thu hợp tác Khai thác Khoáng sản Nghệ An phòng 1	2.846.000.000	(2.846.000.000)	2.846.000.000	(2.846.000.000)
- Phải thu Ông Nguyễn Xuân Nam	1.508.200.000	(1.508.200.000)	1.680.000.000	(1.680.000.000)
- Phải thu Ông Trần Minh Hiếu <sup>(2)</sup>	67.712.000.000	-	64.000.000.000	-
- Phải thu khác	1.300.248.399	(842.598.854)	1.294.373.622	(842.598.854)
	<b>231.507.585.829</b>	<b>(158.368.970.154)</b>	<b>226.142.120.952</b>	<b>(158.540.770.154)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
b) <b>Dài hạn</b>				
b1) <i>Chi tiết theo nội dung</i>				
- Bà Phạm Thị Thủy	100.000.000	-	100.000.000	-
- Ông Nguyễn Tiến Việt <sup>(3)</sup>	80.000.000.000	-	-	-
	<b>80.100.000.000</b>		<b>100.000.000</b>	

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
c) <b>Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan</b>				
- Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	2.924.269.924	-	1.847.804.409	-
- Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	1.485.040.000	-	-	-
	<b>4.409.309.924</b>		<b>1.847.804.409</b>	

(1) Khoản phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay trong đó bao gồm khoản lãi phải thu của hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam số tiền 151.623.509.432 VND. Trong năm 2021, Công ty đã thu hồi toàn bộ phần vốn góp theo hợp đồng hợp tác đầu tư này bằng tiền gửi ngân hàng. Trong năm 2022, Công ty đã trích lập dự phòng 100% đối với khoản phải thu lãi đối với Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam số tiền 151.623.509.432 VND do không có khả năng thu hồi.

(2) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 05/2022/HTĐT ngày 18/05/2022 giữa ông Trần Minh Hiếu và Công ty để thực hiện việc mua chứng khoán, giấy tờ có giá trên cơ sở quy định của pháp luật. Theo điều khoản, hợp đồng có hiệu lực trong vòng 02 năm kể từ thời điểm ký, kết quả đầu tư được phân chia theo nguyên tắc Công ty hưởng 80% và ông Trần Minh Hiếu hưởng 20%. Hợp đồng không quy định về tài sản đảm bảo đối với các bên tham gia. Theo khoản 4.3 của hợp đồng, do ông Trần Minh Hiếu chưa thực hiện hoạt động đầu tư, vì vậy Công ty đề nghị ông Trần Minh Hiếu trả cho Công ty số tiền 3.712.000.000 VND chậm nhất ngày 20/06/2023 (tương ứng với lãi tiền gửi theo nguyên tắc lãi suất tham chiếu bình quân của 3 ngân hàng VCB, Agribank, BIDV với loại hình tiết kiệm VND có kỳ hạn 06 tháng là 5,8%/năm).

(3) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2023/HTĐT ngày 28/01/2023 giữa ông Nguyễn Tiến Việt và Công ty để thực hiện việc mua chứng khoán, giấy tờ có giá trên cơ sở quy định của pháp luật. Theo điều khoản, hợp đồng có hiệu lực trong vòng 02 năm kể từ thời điểm ký, kết quả đầu tư được phân chia theo nguyên tắc Công ty hưởng 80% và ông Nguyễn Tiến Việt hưởng 20%. Hợp đồng không quy định về tài sản đảm bảo đối với các bên tham gia.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài,  
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**9 . NỢ XẤU**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty CP Thép Việt Thanh	8.158.626.921	-	8.158.626.921	-
- Doanh nghiệp tư nhân Trung Thành	48.379.179.373	-	48.379.179.373	-
- Công ty CP Kim loại Việt Nam	23.932.288.353	-	23.932.288.353	-
- Công ty TNHH Thanh Phát	29.787.510.769	-	29.787.510.769	-
- Công ty CP Thực phẩm CMT	35.949.721.230	-	35.949.721.230	-
- Công ty CP Dầu khí và Khoáng sản VITECH	8.275.780.880	-	8.275.780.880	-
- Công ty TNHH Thanh Phát HQ	81.832.187.384	-	81.832.187.384	-
- Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Phước Tiếng	35.635.700.361	-	35.635.700.361	-
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam	151.623.509.432	-	151.623.509.432	-
- Các khoản khác	58.678.709.614	-	58.850.509.614	-
	<b>482.253.214.317</b>	<b>-</b>	<b>482.425.014.317</b>	<b>-</b>

**10 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	13.290.848.078	-	45.591.919.899	-
Công cụ, dụng cụ	5.771.255	-	7.247.527	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.144.895.032	-	-	-
Thành phẩm	910.812.958	-	3.375.376.359	-
Hàng hoá	455.558.000	-	1.166.270.000	-
	<b>15.807.885.323</b>	<b>-</b>	<b>50.140.813.785</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài,  
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	5.112.821.251	2.814.813.954	1.941.106.092	215.368.604	10.084.109.901
- Thanh lý, nhượng bán	-	(828.096.248)	-	-	(828.096.248)
- Giảm khác	-	(122.651.116)	-	-	(122.651.116)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>5.112.821.251</b>	<b>1.864.066.590</b>	<b>1.941.106.092</b>	<b>215.368.604</b>	<b>9.133.362.537</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	5.018.780.430	1.739.943.756	774.532.240	215.368.604	7.748.625.030
- Khấu hao trong kỳ	10.133.760	77.521.050	127.124.892	-	214.779.702
- Thanh lý, nhượng bán	-	(828.096.248)	-	-	(828.096.248)
- Giảm khác	-	(122.651.116)	-	-	(122.651.116)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>5.028.914.190</b>	<b>866.717.442</b>	<b>901.657.132</b>	<b>215.368.604</b>	<b>7.012.657.368</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu kỳ	94.040.821	1.074.870.198	1.166.573.852	-	2.335.484.871
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>83.907.061</b>	<b>997.349.148</b>	<b>1.039.448.960</b>	<b>-</b>	<b>2.120.705.169</b>

*Trong đó:*

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 83.906.611 VND.

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.610.467.933 VND.

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại 26B Lê Quốc Hưng, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá là 3.151.800.000 VND.

**13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư của Công ty là nhà cửa, vật kiến trúc tại Hà Nội, Hải Phòng được sử dụng để cho thuê có tổng nguyên giá là 154.868.938.887 VND; giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 30/06/2023 là 43.785.512.379 VND, khấu hao trong kỳ là 1.509.571.566 VND. Giá trị còn lại cuối kỳ của bất động sản đầu tư đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 111.083.426.551 VND. Nguyên giá bất động sản đầu tư hết khấu hao, còn sử dụng là 19.007.497.497 đồng. Doanh thu từ bất động sản đầu tư trong kỳ là 9.309.710.718 VND.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30/06/2023. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tại Nghị Quyết số 32/2023/NQ-HĐQT ngày 01/02/2023, Hội đồng quản trị của Công ty đã thông qua việc huỷ hợp đồng góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất vào Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh dịch vụ Rainbow bằng bất động sản đầu tư tại số 7 phố Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân (nay là phường Nguyễn Du), quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Nguyên giá và khấu hao lũy kế trên bất động sản đầu tư tăng lần lượt là 8.999.880.000 VND và 8.999.879.999 VND (Chi tiết tại thuyết minh số 35).



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài,  
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	248.193.716	17.946.438
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	188.799.955	230.369.956
	<u><b>436.993.671</b></u>	<u><b>248.316.394</b></u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Tiền thuê đất trả tiền một lần (*)	3.574.202.796	3.650.249.664
Chi phí sửa chữa	1.686.089.248	1.788.086.671
Công cụ dụng cụ xuất dùng	11.807.738	3.011.358
Chi phí trả trước dài hạn khác	158.304.492	473.403.369
	<u><b>5.430.404.274</b></u>	<u><b>5.914.751.062</b></u>

(\*) Tiền thuê đất trả trước một lần có thời hạn 32 năm tại Ấp Tân Mỹ, xã Xuân Bào, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai với diện tích 9.060 m<sup>2</sup> được Nhà nước giao đất, công nhận quyền sử dụng đất và không thu tiền sử dụng đất.

**15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2023</u>		<u>01/01/2023</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<i>Bên khác</i>				
- Ông Trần Văn Hải	15.936.741.144	15.936.741.144	15.936.741.144	15.936.741.144
- Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Hải Hà	-	-	3.297.872.000	3.297.872.000
- Công Ty TNHH MTV Nông Sản Hưng Thịnh Phát	1.266.050.400	1.266.050.400	-	-
- Phải trả nhà cung cấp khác	734.389.439	734.389.439	2.717.696.168	2.717.696.168
	<u><b>17.937.180.983</b></u>	<u><b>17.937.180.983</b></u>	<u><b>21.952.309.312</b></u>	<u><b>21.952.309.312</b></u>

**16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
<i>Bên khác</i>		
- Công Ty TNHH Một Thành Viên Phùng Hoan Gia Lai	-	163.800.000
- Công ty TNHH Sản xuất Cao su Liên Anh	2.530.257.600	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	283.822.100	3.105.203
	<u><b>2.814.079.700</b></u>	<u><b>166.905.203</b></u>

**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	247.209.409	981.776.202	299.997	1.668.423
Thuế Thu nhập cá nhân	-	2.159.349	318.573.007	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	140.130.000	-	70.149.997	140.130.000	916.791.616
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	13.666.666	-	-
	<b>140.130.000</b>	<b>249.368.758</b>	<b>1.384.165.872</b>	<b>140.429.997</b>	<b>918.460.039</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.





**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài,  
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê văn phòng	8.953.939.644	9.080.437.800
	<b>8.953.939.644</b>	<b>9.080.437.800</b>

**19 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	467.094.499	823.762.489
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	39.255.000	39.255.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.581.850.355	1.581.850.355
- Phải trả lãi vay <sup>(1)</sup>	97.882.374.223	96.759.032.239
- Bà Vũ Thị Ngọc <sup>(2)</sup>	34.700.000.000	34.700.000.000
- Khoản đặt cọc của Công ty CP Chế biến XNK Thủy sản Anh Minh <sup>(3)</sup>	10.000.000.000	10.000.000.000
- Khoản đặt cọc của Công ty CP Bảo hiểm Hùng Vương <sup>(4)</sup>	64.000.000.000	64.000.000.000
- Khoản đặt cọc của Công ty CP Thương mại AMP <sup>(5)</sup>	20.000.000.000	20.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.805.275.732	9.699.300.173
	<b>238.475.849.809</b>	<b>237.603.200.256</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.020.031.518	808.067.059
- Công ty và Công ty CP Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín <sup>(6)</sup>	10.000.000.000	10.000.000.000
- Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương <sup>(7)</sup>	80.000.000.000	-
	<b>91.020.031.518</b>	<b>10.808.067.059</b>
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>		
- Khoản đặt cọc của Công ty CP Chế biến XNK Thủy sản Anh Minh <sup>(3)</sup>	10.000.000.000	-
	<b>10.000.000.000</b>	<b>-</b>

(1) Khoản lãi vay phải trả tương ứng với các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty đã được chi tiết tại Thuyết minh số 20.

(2) Khoản hợp tác đầu tư số 01/HĐHT/HOI-GENERALEXIM ngày 01/12/2021 giữa bà Vũ Thị Ngọc và Công ty để hợp tác đầu tư mua cổ phiếu trên các sàn giao dịch chứng khoán HSX, HNX, OTC hoặc góp vốn vào doanh nghiệp khác.

(3) Khoản tiền đặt cọc theo Thỏa thuận số 01/21/AM-TH1 ngày 19/08/2021 và Phụ lục 01 ngày 18/09/2021 giữa Công ty CP Chế biến XNK Thủy sản Anh Minh và Công ty nhằm thực hiện dự án. Ngày 19/08/2022, Công ty CP Chế biến XNK Thủy sản Anh Minh và Công ty đã ký thanh lý thỏa thuận số 01/21/AM-TH1 ngày 19/08/2021 và Phụ lục 01 ngày 18/09/2021. Theo đó trong năm 2022, Công ty đã hoàn trả 25,7 tỷ tiền đặt cọc cho Công ty CP Chế biến XNK Thủy sản Anh Minh.

(4) Khoản tiền đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 18052022/HĐCN-TH1-BHV ngày 18/5/2022 giữa Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương và Công ty liên quan đến chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số 26B Lê Quốc Hưng, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

(5) Khoản tiền đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc giữa Công ty CP Thương mại AMP ngày 14/10/2022 với Công ty để mua các tài sản trên đất tại phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

(6) Khoản phải trả ứng trước theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHT/GENERALEXIM-SACOMREAL ngày 26/04/2016 giữa Công ty và Công ty CP Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín về việc hợp tác đầu tư dự án khu căn hộ ở và kết hợp thương mại tại 251/44 đường Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

(7) Khoản tiền đặt cọc theo Thỏa thuận đặt cọc số 07/HĐ-ĐC/TH1-BHV ngày 03/02/2023 giữa Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương và Công ty liên quan đến chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Tòa nhà Rainbow số 7 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**  
Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**20 . VAY**

	(Điều chỉnh hồi tố)		Trong kỳ		30/06/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>42.325.171.050</b>	<b>42.325.171.050</b>	<b>96.552.840.045</b>	<b>71.562.683.705</b>	<b>67.315.327.390</b>	<b>67.315.327.390</b>
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội <sup>(1)</sup>	25.440.765.000	25.440.765.000	44.181.482.500	41.552.835.000	28.069.412.500	28.069.412.500
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hà Nội <sup>(2)</sup>	16.884.406.050	16.884.406.050	52.371.357.545	30.009.848.705	39.245.914.890	39.245.914.890
<b>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>276.000.000</b>	<b>276.000.000</b>	<b>138.000.000</b>	<b>138.000.000</b>	<b>276.000.000</b>	<b>276.000.000</b>
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội <sup>(5)</sup>	276.000.000	276.000.000	138.000.000	138.000.000	276.000.000	276.000.000
	<b>42.601.171.050</b>	<b>42.601.171.050</b>	<b>96.690.840.045</b>	<b>71.700.683.705</b>	<b>67.591.327.390</b>	<b>67.591.327.390</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hùng An <sup>(3)</sup>	117.685.624.741	117.685.624.741	333.875.608	278.229.673	117.741.270.676	117.741.270.676
- Công ty Cổ phần Sam Holdings <sup>(4)</sup>	18.841.300.000	18.841.300.000	-	-	18.841.300.000	18.841.300.000
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội <sup>(5)</sup>	495.000.000	495.000.000	-	138.000.000	357.000.000	357.000.000
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản VHC <sup>(6)</sup>	43.746.489.291	43.746.489.291	221.501.212	184.584.343	43.783.406.160	43.783.406.160
	<b>180.768.414.032</b>	<b>180.768.414.032</b>	<b>555.376.820</b>	<b>600.814.016</b>	<b>180.722.976.836</b>	<b>180.722.976.836</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(276.000.000)	(276.000.000)	(138.000.000)	(138.000.000)	(276.000.000)	(276.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>180.492.414.032</b>	<b>180.492.414.032</b>			<b>180.446.976.836</b>	<b>180.446.976.836</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 1001-LAV-22006195 ngày 15/07/2022, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 28.000.000.000 VND;
  - Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - Thời hạn duy trì hạn mức: từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 14/07/2023;
  - Thời hạn cho vay: không quá 06 tháng và được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ;
  - Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ;
  - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 1.181.870 USD (tương đương 28.069.412.500 VND);
  - Hình thức bảo đảm tiền vay: hợp đồng tín dụng được đảm bảo bằng các tài sản đảm bảo giữa Công ty và Ngân hàng và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.
- (2) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 070623-849519-01-SME ngày 10/06/2023, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 VND;
  - Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xuất khẩu hàng nông sản, lâm sản;
  - Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng tính từ ngày 10/06/2023;
  - Thời hạn cho vay: không quá 06 tháng và được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ;
  - Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ;
  - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 1.652.390 USD (tương đương 39.245.914.890 VND);
  - Hình thức bảo đảm tiền vay: hợp đồng tín dụng được đảm bảo bằng các tài sản đảm bảo giữa Công ty và Ngân hàng và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

- (3) Số dư nợ vay tại thời điểm ngày 30/06/2023 là các khoản nợ vay được Công ty Cổ phần Đầu tư Hùng An mua lại theo các hợp đồng mua bán nợ với các ngân hàng, với các điều khoản chi tiết sau:
- Lãi suất cho vay: không tính lãi từ thời điểm chuyển giao khoản nợ vay của các ngân hàng;
  - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 117.741.270.676 VND (bao gồm: 2.782.296,73 USD và 51.745.192.240 VND), nợ lãi là 74.543.182.621 VND (bao gồm: 2.531.465,41 USD và 16.635.911.367 VND). Theo Biên bản thỏa thuận ngày 31/03/2022, từ năm 2023 lịch trình trả nợ tiếp theo sẽ được hai bên tiếp tục đàm phán trong thời gian tới.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(4) Vay dài hạn của Công ty Cổ phần Sam Holdings theo Hợp đồng vay vốn số 01/2021/SAM-THI/HDVV ngày 13/10/2021, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức vay: 30.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: đầu tư hợp tác với Công ty Cổ phần SAM Nông nghiệp Công nghệ cao (SAG) thực hiện phát triển dự án nông nghiệp tại Đắk Nông;
- Thời hạn cho vay: 24 tháng;
- Lãi suất cho vay: 11%/năm (chưa bao gồm thuế GTGT);
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 18.841.300.000 VND, nợ lãi là 2.823.628.966 VND;
- Hình thức bảo đảm tiền vay: Không có tài sản đảm bảo.

(5) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 1001-LAV-210066735 ngày 23/08/2021, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 970.000.000 VND;
- Mục đích vay: đầu tư mua mới 01 xe ô tô con theo hợp đồng mua bán ký với Công ty TNHH TOYOTA Long Biên;
- Thời hạn cho vay : 36 tháng và được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ;
- Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 357.000.000 VND. Nợ dài hạn đến hạn trả là 276.000.000 VND;
- Hình thức bảo đảm tiền vay: hợp đồng tín dụng được đảm bảo bởi hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải giữa Công ty và Ngân hàng và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

(6) Số dư nợ vay tại thời điểm ngày 30/06/2023 là các khoản nợ vay được Công ty CP Kinh doanh Bất động sản VHC mua lại theo các hợp đồng mua bán nợ với các ngân hàng, với các điều khoản sau:

- Lãi suất cho vay: không tính lãi từ thời điểm chuyển giao khoản nợ vay của các ngân hàng;
  - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 43.783.406.160 VND (tương đương 1.845.843,43 USD), nợ lãi là 19.416.048.646 VND (bao gồm: 803.866,75 USD và 1.027.616.740 VND).
- Theo Biên bản thỏa thuận ngày 31/03/2022, từ năm 2023 lịch trình trả nợ tiếp theo sẽ được hai bên tiếp tục đàm phán trong thời gian tới.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	135.392.670.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	23.940.421.305	(130.623.866.605)	53.118.250.958							
Lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	(124.963.128.990)							
Phân phối lợi nhuận cho Kowa từ lợi nhuận năm 2021 (*)	-	-	-	-	-	-	(92.830.322)							
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>135.392.670.000</b>	<b>17.147.588.054</b>	<b>7.262.420.104</b>	<b>(981.900)</b>	<b>23.940.421.305</b>	<b>(255.679.825.917)</b>	<b>(71.937.708.354)</b>							
Số dư đầu năm nay	135.392.670.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	23.940.421.305	(251.050.947.656)	(67.308.830.093)							
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	(1.518.318.313)	(1.518.318.313)							
Phân phối lợi nhuận cho Kowa từ lợi nhuận năm 2022 (*)	-	-	-	-	-	(369.786.697)	(369.786.697)							
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>135.392.670.000</b>	<b>17.147.588.054</b>	<b>7.262.420.104</b>	<b>(981.900)</b>	<b>23.940.421.305</b>	<b>(252.939.052.666)</b>	<b>(69.196.935.103)</b>							

(\*) Khoản lợi nhuận phải trả Công ty TNHH Kowa (gọi tắt là Kowa) theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/07/2017 (Thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 2.13).

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối kỳ		Đầu kỳ		Tỷ lệ	
	VND	(%)	VND	(%)		
Ông Đinh Đức Tùng	28.065.210.000	20,73%	28.065.210.000	20,73%		
Ông Nguyễn Văn Nguyên	26.961.230.000	19,91%	26.961.230.000	19,91%		
Ông Nguyễn Vĩnh Huy	21.500.000.000	15,88%	21.500.000.000	15,88%		
Các cổ đông khác	58.865.820.000	43,48%	58.865.820.000	43,48%		
Cổ phiếu quỹ	410.000	0,00%	410.000	0,00%		
	<b>135.392.670.000</b>	<b>100%</b>	<b>135.392.670.000</b>	<b>100%</b>		<b>100%</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài,  
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2023	2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.392.670.000	135.392.670.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>135.392.670.000</i>	<i>135.392.670.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>135.392.670.000</i>	<i>135.392.670.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	<i>1.581.850.355</i>	<i>1.581.850.355</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	<i>1.581.850.355</i>	<i>1.581.850.355</i>
d) <b>Cổ phiếu</b>		
	30/06/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.539.267	13.539.267
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	13.539.267	13.539.267
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.539.267</i>	<i>13.539.267</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại ( <i>cổ phiếu quỹ</i> )	41	41
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>41</i>	<i>41</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.539.226	13.539.226
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.539.226</i>	<i>13.539.226</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
e) <b>Các quỹ công ty</b>		
	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	23.940.421.305	23.940.421.305
	<b>23.940.421.305</b>	<b>23.940.421.305</b>

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**a) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại:

- Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, thành phố Hải Phòng để sử dụng với mục đích làm kho bãi chứa hàng, với thời hạn thuê đến ngày 20/09/2056, diện tích khu đất thuê là 20.462,4 m<sup>2</sup>;

- Số 7 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân (nay là phường Nguyễn Du), quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội để sử dụng với mục đích làm văn phòng và kinh doanh khách sạn, với thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 06/12/2005, diện tích đất thuê là 435,9 m<sup>2</sup>;

- Số 251/4 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm kho hàng hóa với thời hạn thuê đất ngắn hạn hàng năm kể từ ngày 05/05/2006 cho đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch, hợp đồng này đương nhiên được gia hạn trong từng năm kế tiếp nếu Nhà nước không có quyết định điều chỉnh, thu hồi đất, diện tích đất thuê là 3.030,3 m<sup>2</sup>;

- Xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm, Hà Nội để sử dụng với mục đích xây dựng Xí nghiệp chế biến quế và nông lâm sản xuất khẩu với diện tích đất thuê là 5.065 m<sup>2</sup>.

Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty hiện đang được cơ quan nhà nước giao quản lý và sử dụng văn phòng tại địa chỉ số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Đến thời điểm hiện tại, Công ty không phải chi trả các chi phí liên quan đến việc quản lý và sử dụng văn phòng tại địa chỉ trên.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài,  
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

b)	<b>Ngoại tệ các loại</b>		
		<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	- Đồng đô la Mỹ (USD)	9.472,42	16.196,56
	- Đồng Euro (EUR)	0,99	0,99
c)	<b>Nợ khó đòi đã xử lý</b>		
		<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
		VND	VND
	Nợ khó đòi đã xử lý	4.388.995.512	4.388.995.512
<b>23</b>	<b>. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>		
		<u>06 tháng đầu năm</u>	<u>06 tháng đầu năm</u>
		<u>2023</u>	<u>2022</u>
		VND	VND
	Doanh thu bán thành phẩm	46.266.528.767	50.736.670.903
	Doanh thu bán hàng hóa	89.848.333.221	35.346.634.701
	Doanh thu hàng gia công	13.895.994.037	26.190.948.272
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.309.710.718	8.858.472.792
		<u><b>159.320.566.743</b></u>	<u><b>121.132.726.668</b></u>
<b>24</b>	<b>. GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>		
		<u>06 tháng đầu năm</u>	<u>06 tháng đầu năm</u>
		<u>2023</u>	<u>2022</u>
		VND	VND
	Giá vốn của thành phẩm đã bán	52.052.617.736	34.207.985.416
	Giá vốn của hàng hóa đã bán	87.931.681.329	48.370.313.198
	Giá vốn của hàng gia công	13.908.359.412	25.323.472.078
	Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.509.571.566	1.558.449.961
		<u><b>155.402.230.043</b></u>	<u><b>109.460.220.653</b></u>
<b>25</b>	<b>. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
		<u>06 tháng đầu năm</u>	<u>06 tháng đầu năm</u>
		<u>2023</u>	<u>2022</u>
		VND	VND
	Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.803.681.164	935.240.162
	Lãi bán các khoản đầu tư	-	4.999.861.889
	Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.376.000.000	9.116.000.000
	Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.142.415.908	281.154.263
	Doanh thu hoạt động tài chính khác (*)	19.291.492	62.977.673.637
		<u><b>12.341.388.564</b></u>	<u><b>78.309.929.951</b></u>

(\*)Doanh thu hoạt động tài chính khác 6 tháng đầu năm 2022 bao gồm khoản chênh lệch giữa giá gốc của 11.353.631 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (mã chứng khoán EIB) và dư nợ gốc vay của Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội, sau khi Công ty thực hiện các thủ tục bán số cổ phiếu EIB được phong tỏa để cần trừ thu hồi nợ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài,  
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.536.405.924	3.614.401.074
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	41.124.402.832
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	518.371.743	51.574.033
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	1.005.174.505	3.088.347.694
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1.576.386.817	461.209.332
	<b><u>5.636.338.989</u></b>	<b><u>48.339.934.965</u></b>

**27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.199.999	9.650.182
Chi phí nhân công	1.194.190.758	2.415.282.704
Chi phí khấu hao tài sản cố định	125.153.250	125.153.262
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.638.317.534	6.198.303.801
Chi phí khác bằng tiền	295.724.051	138.641.361
	<b><u>8.256.585.592</u></b>	<b><u>8.887.031.310</u></b>

**28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.821.991	357.643.058
Chi phí nhân công	2.614.476.909	3.331.939.345
Chi phí khấu hao tài sản cố định	89.626.452	101.419.482
Thuế, phí, lệ phí	14.813.386	1.146.436.313
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(171.800.000)	151.623.509.432
Chi phí dịch vụ mua ngoài	678.047.577	772.009.661
Chi phí khác bằng tiền	365.341.815	234.518.322
	<b><u>3.606.328.130</u></b>	<b><u>157.567.475.613</u></b>

**29 . THU NHẬP KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022 (Điều chỉnh hồi tố)
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	52.727.273	-
Tiền phạt thu được	-	12.000.000
Chi phí sử dụng vốn của ông Trần Minh Hiếu	3.712.000.000	-
Thu nhập khác	24.523.443	18.140.649
	<b><u>3.789.250.716</u></b>	<b><u>30.140.649</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài,  
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**30 . CHI PHÍ KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022 (Điều chỉnh hồi tố)
	VND	VND
Các khoản bị phạt	3.721.034.657	60.000.000
Chi phí khác	347.006.925	121.263.717
	<b>4.068.041.582</b>	<b>181.263.717</b>

**31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022 (Điều chỉnh hồi tố)
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.518.318.313)	(124.963.128.990)
Các khoản điều chỉnh tăng	356.041.582	181.263.718
- Chi phí không hợp lệ	356.041.582	181.263.718
Các khoản điều chỉnh giảm	(9.484.298.920)	(9.167.283.631)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(9.376.000.000)	(9.116.000.000)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	(34.752.690)	(51.283.631)
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm trước	(73.546.230)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(10.646.575.651)	(133.949.148.903)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	64.548.993.403	52.291.108.949
Chi phí nhân công	3.830.230.539	13.656.980.257
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.724.351.268	1.736.144.310
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.396.450.246	6.923.009.515
Chi phí khác bằng tiền	513.768.611	206.261.303
	<b>78.013.794.067</b>	<b>74.813.504.334</b>

**33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài,  
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>				
Đầu tư ngắn hạn	24.576.300.000	-	-	24.576.300.000
	<u>24.576.300.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>24.576.300.000</u>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Đầu tư ngắn hạn	15.470.000.000	-	-	15.470.000.000
	<u>15.470.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>15.470.000.000</u>

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>				
Tiền	3.783.057.284	-	-	3.783.057.284
Phải thu khách hàng, phải thu khác	94.580.787.049	100.000.000	-	94.680.787.049
Các khoản cho vay	62.572.493.151	19.734.299.996	-	82.306.793.147
	<u>160.936.337.484</u>	<u>19.834.299.996</u>	<u>-</u>	<u>180.770.637.480</u>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Tiền	5.085.725.861	-	-	5.085.725.861
Phải thu khách hàng, phải thu khác	88.333.102.300	100.000.000	-	88.433.102.300
Các khoản cho vay	22.000.000.000	19.734.299.996	-	41.734.299.996
	<u>115.418.828.161</u>	<u>19.834.299.996</u>	<u>-</u>	<u>135.253.128.157</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài,  
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>				
Vay và nợ	67.591.327.390	180.446.976.836	-	248.038.304.226
Phải trả người bán, phải trả khác	256.413.030.792	91.020.031.518	-	347.433.062.310
	<u>324.004.358.182</u>	<u>271.467.008.354</u>	<u>-</u>	<u>595.471.366.536</u>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Vay và nợ	42.601.171.050	180.492.414.032	-	223.093.585.082
Phải trả người bán, phải trả khác	259.555.509.568	10.808.067.059	-	270.363.576.627
	<u>302.156.680.618</u>	<u>191.300.481.091</u>	<u>-</u>	<u>493.457.161.709</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài,  
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023**35 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022. Theo đó số liệu so sánh của Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trên Báo cáo tài chính riêng kỳ trước</u> VND	<u>Số liệu điều chỉnh lại</u> VND	<u>Chênh lệch</u> VND
<b>a) Bảng Cân đối kế toán riêng</b>				
Bất động sản đầu tư	230	112.592.998.073	112.592.998.074	1
- Nguyên giá	231	145.869.058.887	154.868.938.887	8.999.880.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	232	(33.276.060.814)	(42.275.940.813)	(8.999.879.999)
Đầu tư vào công ty con	251	49.960.000.000	34.752.000.000	(15.208.000.000)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(105.066.058.610)	(120.274.058.609)	(15.207.999.999)
<b>b) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng</b>				
Thu nhập khác	31	15.238.140.649	30.140.649	(15.208.000.000)
Chi phí khác	32	181.263.718	181.263.717	(1)
<b>c) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng</b>				
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(25.259.240.161)	(10.051.240.162)	15.207.999.999

Lí do điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên là do Công ty huỷ hợp đồng góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất vào Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh dịch vụ Rainbow bằng bất động sản đầu tư tại số 7 phố Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân (nay là phường Nguyễn Du), quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.


Nguyễn Thanh Thúy  
Người lập

Mai Thu Hà  
Kế toán trưởngVũ Thị Phương  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023